

MS. CHI ENGLISH

Name: _____

Date: .../.../20...

Class: GOLD A2+

Tel: 038 255 2594

GOLD EXPERIENCE A2+: UNIT 5 - GET THE LOOK!**VOCABULARY REVISION****A. NEW LESSON**

No.	New words	Meaning	No.	New words	Meaning
1	check out (phr.v)	tìm kiếm thông tin	35	supermodel (n)	siêu mẫu
2	adventurous (adj)	phiêu lưu, mạo hiểm	36	cover up (phr.v)	che đậy
3	dress up (phr.v)	mặc quần áo lịch sự	37	height (n)	chiều cao, độ cao
4	practical (adj)	thiết thực, khả thi	38	freckle (n)	tàn nhang
5	try on (phr.v)	mặc thử	39	self-conscious (adj)	có ý thức về bản thân mình, tự giác
6	crowd (n)	đám đông	40	ignore (v)	phớt lờ
7	suit (v)	thích hợp	41	preference (n)	sự ưu tiên, sự thích hơn
8	fashionable (adj)	hợp thời trang	42	fortunate (adj)	may mắn
9	keen on (adj)	say mê, ham thích	43	interest (n)	sự thích thú
10	trendsetter (n)	người mở ra một xu hướng mới	44	positive (adj)	tích cực
11	appearance (n)	sự xuất hiện	45	negative (adj)	tiêu cực
12	ordinary (adj)	bình thường	46	attitude (n)	thái độ
13	avoid (v)	tránh, tránh xa	47	attract (v)	thu hút, hấp dẫn
14	afford (v)	có đủ khả năng, điều kiện	48	competitive (adj)	mang tính cạnh tranh
15	skincare (n)	chăm sóc da	49	(basketball) court (n)	sân (chơi bóng rổ)
16	look (n)	ngoại hình, nhan sắc	50	sportswear (n)	quần áo thể thao
17	advisor (n)	người khuyên bảo, cố vấn	51	product (n)	sản phẩm
18	expert (n)	chuyên gia	52	valuable (adj)	có giá trị lớn
19	appointment (n)	buổi hẹn	53	publicity (n)	sự công khai
20	personal (adj)	cá nhân	54	brand (n)	thương hiệu

21	average (adj)	trung bình	55	probable (adj)	có khả năng xảy ra
22	slim (adj)	mảnh mai	56	chatty (adj)	thích tán gẫu
23	swap (v)	tráo đổi	57	repetition (n)	sự lặp lại
24	fancy (v)	muốn, thích	58	formal (adj)	trang trọng
25	exchange (n)	sự trao đổi	59	common (adj)	thông thường
26	hang out (phr.v)	đi chơi	60	adore (v)	quý mến, ngưỡng mộ
27	virtual (adj)	không thực, ảo	61	shame (n)	sự ngượng ngùng
28	wardrobe (n)	tủ quần áo	62	user-friendly (adj)	thân thiện với người dùng
29	accessory (n)	phụ kiện	63	feature (n)	đặc điểm, đặc trưng
30	pattern (n)	mẫu, khuôn	64	stand out (phr.v)	nổi bật
31	occasion (n)	dịp, cơ hội	65	save up (phr.v)	tiết kiệm
32	brace (n)	niềng răng	66	behaviour (n)	cách cư xử, hành vi
33	quality (n)	chất lượng	67	entertain (v)	giải trí
34	filter (n)	bộ lọc			

*** Note:**

n = noun: Danh từ

adj = adjective: Tính từ;

v = verb: Động từ

phr.v = phrasal verb: Cụm động từ

*** Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.**

B. HOMEWORK

I. Read the descriptions of the following words. Then write the complete word (the first letter is already there)

0. The sound you make by playing instruments or singing.

Music

1. (of a person) Willing to take risks and try new ideas; enjoying being in new, exciting situations.

A _____

2. Things that you do and use to keep your skin healthy and attractive.

S _____

3. Liking to talk a lot in a friendly, informal way.

C _____

4. How good or bad something is.

Q _____

5. The act of doing or saying something again

R _____

II. Fill in the blanks with the correct words from the box

interested in	stand out	afford	keen on	save up	repetition
----------------------	------------------	---------------	----------------	----------------	-------------------

0. He did not seem very **interested in** what I was saying.

- Mary is _____ playing tennis.
- To study new words well, you should use a method called spaced _____.
- Lucy's red hair made her _____ in her class.
- It took me months to _____ enough money to go travelling.
- This car is too expensive! I can't _____ it.

III. Match to make meaningful sentences

- | | |
|---------------------------------|---|
| 0. If I were you, I would | was once a beginner. |
| 1. She works very hard | a fair exchange? |
| 2. Is five apples for five eggs | competitive sports. |
| 3. She felt that she | ..0.. ignore those who try to discourage you. |
| 4. The expert in anything | had to entertain her guests. |
| 5. He doesn't like | to stay slim. |

IV. Complete the sentences using a word formed from the letters given

- | | |
|--|-----------------|
| 0. We adore them for their generosity. | D E R O A |
| 1. He is going to buy a _____ computer. | E O A P R N S L |
| 2. He clicked his tongue to _____ their attention. | T R A T C A T |
| 3. Her _____ salary is \$39,000 a year. | E A E A G V R |
| 4. Better die with honor than live with _____. | H A S E M |
| 5. He tends to _____ all physical contact. | V A I D O |

V. Each of the words in bold is in the wrong sentence. Write the correct word in the right sentence

- Do you adapt your **appearance** routine accordingly?**skincare**.....
- I think your **skincare** is annoying.
- He lost **preference** in his research.
- He's very insecure about his **appointment**.
- She arranged an **interest** at 9 am yesterday.
- What is your **attitude**, French food or Chinese food?

Part 1

Questions 1 – 6

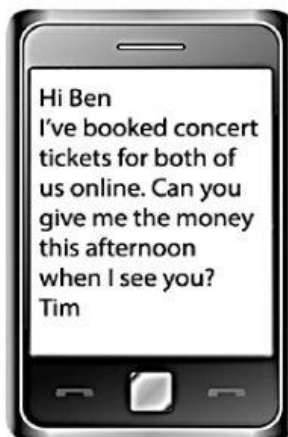
For each question, choose the correct answer.

1



- A The bicycle that's for sale was built for a child.
- B Some parts of the bicycle must be changed.
- C Debbie is selling the bike because she's too big for it now.

2



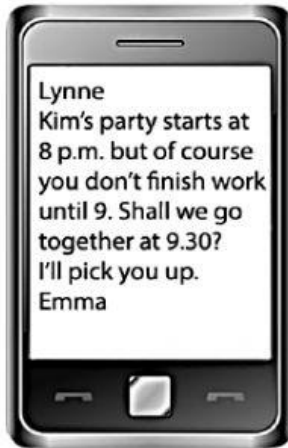
- A Tim thinks Ben should look on the concert website.
- B Tim hopes that Ben will be able to come with him.
- C Tim wants to know if Ben can pay him back today.

3



- A You get into the park by going this way.
- B It is more expensive to go here alone.
- C You will have fun if you come with friends.

4



- A Emma knows that Lynne can't be at the party when it starts.
- B Emma wants to go to the party a bit later than Lynne.
- C Emma wants to go out with Lynne but not to the party.

5



- A The ice cream shop is open for only 2 hours.
- B Two ice creams will cost the same as one.
- C You can get free ice creams all afternoon.

6



Why did Sophie write this message?

- A to check if Anna has completed her homework
- B to let Anna know what they did in class today
- C to ask Anna to contact her about the homework

Part 3

Questions 14–19

You will hear a woman talking about flights in a hot air balloon.
For each question, fill in the missing information in the numbered space.

Hot Air Balloon Flights

Children under 12 must be with an adult.

All passengers need to be (14)

Balloon flights are best when there are
light winds, no (15) and a clear sky.

Passengers need to wear outdoor clothes and (16)

Flights travel between 5 and 30 kilometres.

Passengers return to the airfield in a (17)

Flights are available from the month of (18) each year.

For booking and information, phone (19)
or visit www.hotairballoons.com

Con làm bài nghe theo link sau (0p6s – 5p37s):
<https://www.youtube.com/watch?v=IY6mVg8swyM>

Listening

Test 4

PART 4 Questions 16-20

For each question, choose the correct answer.

- 16 You will hear a mum talking to her son.
Where were they a few minutes ago?
A at school
B at home
C at a supermarket
- 17 You will hear two friends talking.
Why is the boy going to Bob's house?
A to find his football kit
B to play computer games
C to study
- 18 You will hear a husband and wife talking.
Why doesn't the woman want the ring?
A It's very cheap.
B She thinks she'll lose it.
C She likes necklaces better.
- 19 You will hear a girl talking about her plans for the next month. Why can't she go to the school party?
A She will be in Paris that day.
B She has an early flight the next morning.
C She has to get up early the next day.
- 20 You will hear two neighbours talking.
Why are they upset?
A They have got the wrong letters.
B The post office lost their letters.
C No other neighbour has the same problem.



Con làm bài nghe theo link sau (0p45s – 7p03):
<https://www.youtube.com/watch?v=ZJMxFEUYNVI>

I. Write the correct English meaning of the word or phrase

Vietnamese	English
<i>địa phương</i>	<i>local</i>
doanh nghiệp	
trục trặc	
đền thăm	
ngghiêm khắc	
động viên, khuyến khích	
trường Cao đẳng, Đại học	
thiết bị	
ổn định	
nộp bài	
hành vi, hành xử	
ngghiên cứu kinh doanh	

II. Use the word in the box to complete sentence

height	organisation	develop	behaviour
manage	education	positive	celebrate

0. You can adjust the ...**height**... of the chair.

1. The government aims to improve public services, especially

2. I was in a mood to

3. Luke's caused his parents great *distress* (sự đau buồn).

4. On the side, profits have increased.

5. He gave money to the World Health to help *defeat* (đánh bại) *smallpox* (bệnh đậu mùa).

6. How did you to persuade him?

7. It is important to good study skills.